TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày 17-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc tranh hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N**.

Địa chỉ: phường T, quận B, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh H**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã C. Địa chỉ: Khóm M, Phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/5/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 14/11/2019, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng với ông Nguyễn Văn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201901445. Theo Hợp đồng, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng cho ông T vay số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Nuôi tôm; lãi suất 10,5%/năm; thanh toán trả lãi 08 tháng/lần, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 08 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Nguyễn Văn T đã tự nguyện giao cho Ngân hàng N chi nhánh thị xã C giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645518, có diện tích 18.803 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 02; tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện C (Nay là UBND thị xã C) cấp cho hộ Nguyễn Văn C ngày 20/9/1997.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645503, có diện tích 20.406 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 354; tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện C (Nay là UBND thị xã C) cấp cho hộ Nguyễn Văn C ngày 15/9/1997.

Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng, yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng đồng tín dụng số 7606-LAV-201901445 ngày 14/11/2019. Tuy nhiên, tính đến nay, ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 17/5/2023, tổng nợ của ông Nguyễn Văn T đối với Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã C, tỉnh Sóc Trăng là: 290.875.342 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 61.043.836 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 29.831.507 đồng.

Nay, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nêu trên là: 290.875.342 đồng. Trong đó, nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 61.043.836 đồng và nợ lãi quá hạn là 29.831.507 đồng.

Ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201901445 kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ. Sau khi ông T thanh toán xong nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại cho ông T 02 giấy chứng quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645518, có diện tích 18.803 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 02; tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện C (Nay là UBND thị xã C) cấp cho hộ Nguyễn Văn C ngày 20/9/1997.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645503, có diện tích 20.406 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 354; tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện C (Nay là UBND thị xã C) cấp cho hộ Nguyễn Văn

C ngày 15/9/1997.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thừa nhận tính đến ngày 12/8/2022, ông còn nợ Ngân hàng N số tiền là 267.812.500 đồng. Trong đó, nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 45.675.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 22.137.500 đồng đúng như đơn khởi kiện mà Tòa án có gửi thông báo thụ lý cho ông. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông chưa có tiền thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết. Thời gian sắp tới khi có tiền đền bù giải phóng mặt bằng thì ông sẽ thanh toán cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Vào ngày 14/11/2019, ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201901445 với Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng (kể từ ngày 14/11/2019 đến ngày 14/7/2020). Cách thức thanh toán nợ là ông T phải trả lãi 08 tháng/lần và trả nợ gốc vào cuối kỳ ngày 14/7/2020. Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 14/7/2020 là đợt cuối cùng để ông T thanh toán nợ gốc nhưng ông T không thực hiện nên ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201901445 ngày 14/11/2019 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên việc Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án

buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng số nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng N yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi trong hạn 45.675.000 đồng, thời hạn từ 21/6/2020 đến 17/5/2023 với mức lãi suất là 10.5%/năm (0,875%/tháng); lãi quá hạn 29.831.507 đồng, thời hạn từ 15/7/2020 đến 17/5/2023 với mức lãi suất là 15,75%/năm (1,3125/tháng). Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này...". Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201901445 ngày 14/11/2019 thì Ngân hàng và ông T thỏa thuận lãi suất cho vay là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 15,75%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là : 290.875.342 đồng. Trong đó, nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 61.043.836 đồng và nợ lãi quá hạn là 29.831.507 đồng. Do đó, tính đến ngày 17/5/2023 tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn mà ông T còn phải trả là 90.875.342 đồng và số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645518, có diện tích 18.803 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 02; tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện C (Nay là UBND thị xã C) cấp cho hộ Nguyễn Văn C ngày 20/9/1997 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 645503, có diện tích 20.406 m^2 (loại đất: 1L), thửa số 354; tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện C (Nay là UBND thị xã C) cấp cho hộ Nguyễn Văn C ngày 15/9/1997, khi vay vốn ông T có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu cho Ngân hàng để làm tin trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông T cũng không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông T phải chịu án phí với số tiền 14.543.767 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T thanh toán tổng số tiền 290.875.342 đồng (trong đó, vốn gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 90.875.342 đồng) của hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201901445 ngày 14/11/2019.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 290.875.342 đồng *(Hai trăm chín mươi triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng)*. Trong đó, vốn gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 90.875.342 đồng.

2. Kể từ ngày 18/5/2023, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng anh Tước, chị Nghi phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.696.000 đồng theo biên lai thu số 0004396 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí số tiền 14.543.767 đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua